TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày: 26 – 01 – 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thu Vân.

2. Bà Đặng Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 và 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 230/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Thanh P; sinh ngày 02/5/1996, tại: Hậu Giang; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Khu vực H, Phường BY, thành phố VT, tỉnh HG; chỗ ở; Số 179 BT, Phường BY, Quận T, Thành phố HCM); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C1 và bà Đỗ Ngọc N1; có vợ (đã ly hôn vào năm 2021) và chưa có con, sau đó chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Thanh T1 (sinh năm: 1989) vào năm 2022 và có 02 con chung; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà: Đỗ Thị Linh C2, sinh năm: 1974; nơi cư trú: Số 11 ĐAT, Phường BY, Quận T, Thành phố HCM). (Vắng mặt).

2. Bà: Đỗ Thị R1, sinh năm: 1955; nơi cư trú: Số 11 ĐAT, Phường BY, Quận T, Thành phố HCM). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thanh P và bà Đỗ Thị Linh C2 là bạn bè quen biết với nhau ngoài xã hội. Khoảng đầu tháng 02/2022, bà C2 có vay của P số tiền 30.000.000 đồng, với lãi suất là 45% / tháng (trả 450.000 đồng / ngày). Bà C2 trả lãi cho P được một tháng là 13.500.000 đồng. Khoảng

02 đến 03 ngày sau đó, bà C2 trả số tiền gốc 30.000.000 đồng, cộng thêm tiền lãi 900.000 đồng. Như vậy, số tiền gốc bà C2 vay của P 30.000.000 đồng và tiền lãi đã giải quyết xong. Sau đó, bà C2 tiếp tục vay của P số tiền 20.000.000 đồng, trả tiền lãi 300.000 đồng / ngày, với lãi suất là 45% / tháng (tương đương số tiền 9.000.000 đồng / tháng). Bà C2 trả tiền lãi cho P được khoảng 10 ngày (khoảng 3.000.000 đồng) thì bà C2 tiếp tục vay của P thêm 10.000.000 đồng và số tiền nợ gốc tổng cộng là 30.000.000 đồng, lãi suất vẫn giữ nguyên và bà C2 trả tiền lãi là 450.000 đồng / ngày (tương đương 13.500.000 đồng / tháng). Bà C2 đã trả tiền lãi được khoảng 20 ngày (khoảng 9.000.000 đồng) thì tiếp tục vay của P thêm 10.000.000 đồng và số tiền gốc tăng lên thành 40.000.000 đồng, với lãi suất vẫn giữ nguyên là 45% / tháng (trả lãi 600.000 đồng / ngày, tương đương 18.000.000 đồng / tháng). Bà C2 đã trả tiền lãi cho P được khoảng 15 ngày (khoảng 9.000.000 đồng) thì bà C2 bị bệnh, nên bà C2 thỏa thuận với P bỏ qua số tiền 9.000.000 đồng tiền nợ lãi còn lại của số tiền 40.000.000 đồng thì P đồng ý. Khoảng nửa tháng sau, bà C2 vay của P thêm số tiền 30.000.000 đồng và được nhận số tiền 21.000.000 đồng (do trả 9.000.000 đồng tiền lãi còn nợ của tháng trước); lúc này, số tiền nợ gốc tăng lên thành 70.000.000 đồng, lãi suất vẫn là 45% / tháng, tương đương trả tiền lãi là 1.050.000 đồng / ngày (31.500.000 đồng / tháng). Bà C2 trả lãi đủ cho P 31.500.000 đồng thì tiếp tục vay thêm P số tiền 27.000.000 đồng; lúc này, tổng số tiền gốc tăng thành 97.000.000 đồng, với lãi suất 45% / tháng (tiền lãi khoảng 43.000.000 đồng / tháng, tương đương 1.400.000 đồng / ngày). Bà C2 đóng tiền lãi cho P được khoảng 01 tuần (khoảng 10.000.000 đồng) thì xin ngưng đóng lãi (do không còn khả năng chi trả vì làm ăn thua lỗ) thì P yêu cầu bà C2 phải trả số tiền tổng cộng là 112.000.000 đồng (gồm 97.000.000 đồng tiền gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi cộng thêm (tính tới thời điểm thương lượng). Sau đó, bà C2 nhờ gia đình thương lượng với P thì P đồng ý cho bà C2 trả số tiền 110.000.000 đồng (gồm 97.000.000 đồng tiền gốc và 13.000.000 đồng tiền lãi trong thời gian 20 ngày, lãi suất khoảng 20% / tháng). Như vậy, số tiền nợ gốc 97.000.000 đồng và tiền lãi giữa 02 bên đã giải quyết xong.

Ngay sau đó (khoảng tháng 12/2022), do cần tiền làm ăn, bà C2 tiếp tục hỏi vay lại của P số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận cho tháng đầu là 15% / tháng, những tháng tiếp sau vẫn là 45% / tháng. Bà C2 đã đóng tiền lãi cho P 15% / tháng đầu đầy đủ (số tiền 5.250.000 đồng). Sang tháng mới (45% / tháng) thì bà C2 đóng được khoảng 05 ngày (số tiền 2.500.000 đồng) thì ngưng; sau đó bà C2 nói với P không có tiền đóng lãi cho P rồi lánh mặt P.

Đến khoảng 19 giờ 00, ngày 29/3/2023, P cùng với Nguyễn Thị Thanh T1 trên đường đi công việc về nhà đã ghé nhà của bà C2 tìm gặp bà C2 đòi số tiền còn nợ thì gặp bà Đỗ Thị R1 (mẹ ruột của bà C2), lúc này bà C2 vắng nhà; tại đây hai bên nói chuyện qua lại to tiếng với nhau, nên Công an Phường 7, Quận 8 đến hiện trường mời những người liên quan về trụ sở làm việc.

Sau đó, toàn bộ vụ việc được lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để điều tra làm rõ.

Ngày 30/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Thanh P về tội ‘‘Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự’’.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Lê Thanh P đã thừa nhận hành vi cho vay lãi nặng nêu trên, tổng số tiền thu lợi bất chính của P là 102.099.000 đồng (sau khi đã khấu trừ số tiền thu lợi mà nhà nước cho phép là 4.551.000 đồng).

Quá trình P cho bà C2 vay mượn tiền cũng như việc trả tiền nợ thì hai bên không có làm giấy tờ mà chỉ giao dịch với nhau bằng lời nói (bằng miệng).

Quá trình vay mượn từ 30.000.000 đồng đến 97.000.000 đồng thì bà C2 trả nợ đầy đủ, nên P không có chửi mắng, xúc phạm bà C2. Đến khi bà C2 vay số tiền 35.000.000 đồng lần cuối cùng và ngưng đóng tiền lãi, sau đó lánh mặt P và cắt đứt mọi liên lạc với P thì P bắt đầu gọi điện thoại, nhắn tin, đăng bài trên tài khoản Facebook của P và in hình bà C2 ra giấy, kèm theo dòng chữ có nội dung: ‘‘Ai gặp người này liên hệ giùm, xin hậu tạ’’, rồi dán giấy gần nhà bà C2 cho gia đình và hàng xóm của bà C2 biết tin để bà C2 xấu hổ và trả tiền nợ còn thiếu cho P. Sau khi làm việc tại Cơ quan Công an thì bà C2 mới biết việc này (vì trước đó bà C2 lánh mặt P và cắt đứt mọi liên lạc với P, nên không biết bị P đòi nợ như trên) và bà C2 đã làm đơn xin bãi nại, không yêu cầu xử lý đối với hành vi này của P; tuy nhiên, Công an Quận 8 đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Thanh P về hành vi trên, với số tiền là 2.500.000 đồng và P đã thi hành xong vào ngày 13/11/2023.

Nguồn gốc số tiền mà P cho bà C2 vay mượn là tiền cá nhân của P dành dụm mà có. Việc P cho bà C2 vay mượn tiền và lấy tiền vốn, tiền lãi chỉ có mình P thực hiện; Nguyễn Thị Thanh Thủy không biết và không có liên quan.

Số tiền mà Lê Thanh P cho bà C2 vay (tiền vốn), cũng như số tiền lãi mà P nhận từ bà C2 thì P đã tiêu xài cá nhân hết và còn lại 10.000.000 đồng P chủ động xin nộp lại tại Chi Cục Thiu hành án Dân sự Quận 8 vào ngày 25/01/2024.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Nguyễn Thị Thanh Thủy khai nhận có quen biết với bà Đỗ Thị Linh C2. Thủy không rõ việc vay mượn tiền giữa bà C2 với P như thế nào (do P không có nói cho Thủy biết) và Thủy không có liên quan đến vụ án, Thủy chỉ biết sự việc bà C2 nợ tiền của P khi giữa P và mẹ bà C2 xảy ra cãi vã to tiếng (do trước đó Thủy có cùng P đi công việc riêng và trên đường đi về nhà P thì P ghé nhà của bà C2 tìm bà C2 đòi nợ, nhưng không gặp bà C2 mà gặp mẹ bà C2). Riêng Thủy trước đó có cho bà C2 mượn số tiền 10.000.000 đồng để làm ăn (nhưng không lấy lãi) và bà C2 vẫn chưa trả lại số tiền này cho Thủy (Thủy không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này).

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:

- 07 tờ giấy in nội dung tin nhắn, 01 tờ giấy in hình ảnh chị Đỗ Thị Linh C2 kèm theo nội dung: ‘‘tìm người” (thu giữ của bà Đỗ Thị R1).

- 01 điện thoại Iphone 6s Plus (thu giữ của Lê Thanh P).

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đỗ Thị Linh C2 và bà Đỗ Thị R1 yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu gì khác.

* Tại bản Cáo trạng số 206/CT-VKS-Q8 ngày 24/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Thanh P về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Thanh P. Sau khi phân

tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Kiểm sát viên đề nghị như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Khoản 2, Khoản 3 Điều 201; các điểm: i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Lê Thanh P với mức án từ 09 (chín) tháng tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; đồng thời, phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động bị cáo P dùng làm phương tiện phạm tội; đối với số tiền thu lợi bất chính và tiền dùng vào việc phạm tội thì buộc bị cáo P phải nộp lại (gồm: 4.551.000 đồng + 30.000.000 đồng + 97.000.000 đồng), để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật mà bị cáo P đã nhận từ bà C2 thì buộc bị cáo P phải trả lại cho bà C2. Tuy nhiên, bà C2 còn nợ bị cáo P số tiền gốc là 35.000.000 đồng (đây là tiền bị cáo P dùng vào việc phạm tội, nên bà C2 phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; nhưng đề nghị khấu trừ số tiền 35.000.000 đồng này vào số tiền mà bị cáo P phải hoàn trả lại cho bà C2 và buộc bị cáo P phải nộp lại số tiền 35.000.000 đồng này để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước).

* Bị cáo Lê Thanh P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện, bị cáo không có ý kiến tranh luận và không tự bào chữa, bị cáo xin được hưởng mức án nhẹ vì đã ăn năn hối cải và bản thân chưa có tiền án, tiền sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai nhận của bị cáo cơ bản phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, bị cáo Lê Thanh P là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và bị cáo đã thực hiện hành vi cho bà Đỗ Thị Linh C2 vay tiền với mức lãi suất cho vay vượt quá mức lãi suất cho vay cao nhất mà pháp luật cho phép, theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua đó, bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 102.099.000 đồng (sau khi trừ ra số tiền lãi mà pháp luật cho phép là 4.551.000 đồng) của bà Đỗ Thị Linh C2 (là người vay tiền của bị cáo). Hành vi phạm tội phạm tội của bị cáo với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến trật tự quản

lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lê Thanh P phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Lê Thanh P: Trong vụ án này bị cáo Lê Thanh P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); đồng thời, bị cáo có quá trình nhân thân tốt (bản thân chưa có tiền án, chưa có tiền sự, tại thời điểm trước và sau khi phạm tội cho đến nay luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật). Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc, lưu ý khi quyết định hình phạt cho tương xứng và phù hợp.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 8 và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh P rất thành khẩn khai báo, thật sự tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã chủ động nộp lại một phần của số tiền dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có; phía bà C2 xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Xét bị cáo Lê Thanh P có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài lần phạm tội này, bị cáo có quá trình nhân thân tốt, chưa có tiền án, chưa có tiền sự, trước khi thực hiện hành vi phạm tội và từ khi bị khởi tố đến nay, bị cáo không vi phạm pháp luật, chấp hành tốt nghĩa vụ công dân nơi cư trú; có nơi cư trú rõ ràng; tại phiên tòa bị cáo rất thành khẩn khai báo và thể hiện thật sự ăn năn hối cải, quyết tâm sửa chữa lỗi lầm và lao động hợp pháp để có thu nhập kiếm sống (hiện nay bị cáo đang buôn bán nhỏ: bán nước giải khát và áo quần cũ), quyết tâm phấn đấu để trở thành người công dân sống có ích cho xã hội. Ngoài ra, phía bị hại xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Lê Thanh P có khả năng tự cải tạo và không cần thiết phải bắt đi chấp hành hình phạt tù, vì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo Lê Thanh P có đủ điều kiện để được hưởng án treo; nên cho bị cáo hưởng án treo và có ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, qua đó cũng đã có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Lê Thanh P là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo như phân tích của Hội đồng xét xử nêu trên; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với ý kiến của bị cáo Lê Thanh P về việc xin được xử mức án nhẹ là có cơ sở pháp luật, như phân tích của Hội đồng xét xử nêu trên; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với lời đề nghị của phía bà Đỗ Thị Linh C2 (người vay tiền của bị cáo Lê Thanh P) xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Thanh P là có cơ sở pháp luật, như phân tích của Hội đồng xét xử nêu trên; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Lê Thanh P phạm tội nhằm thu lợi bất chính, nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[10] Về vật chứng liên quan vụ án và số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có cùng số tiền dùng vào việc phạm tội:

- 01 điện thoại di động bị thu giữ (bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội) và có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Số tiền thu lợi bất chính {tiền lãi trong mức cho phép của pháp luật mà bị cáo P thu được của bà C2 (4.551.000 đồng) từ số tiền dùng vào việc phạm tội (tiền cho vay)} và số tiền dùng vào việc phạm tội (tiền dùng cho vay: 30.000.000 đồng + 97.000.000 đồng = 127.000.000 đồng) thì buộc bị cáo P phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước (vì có giá trị sử dụng). Riêng số tiền bị cáo P dùng vào việc phạm tội (cho bà C2 vay 35.000.000 đồng sau cùng) thì bà C2 vẫn còn nợ bị cáo P, nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước (sẽ được xử lý trong phần trách nhiệm dân sự để thuận lợi cho việc thi hành án về sau).

- Đối với vật chứng khác có liên quan, nhưng không thu giữ được; nên không có cơ sở để xem xét để xử lý.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật mà bị cáo P đã nhận từ bà C2 (102.099.000 đồng) thì buộc bị cáo P trả lại cho bà C2. Tuy nhiên, bà C2 còn nợ bị cáo P số tiền gốc là 35.000.000 đồng (đây là tiền bị cáo P dùng vào việc phạm tội, nên bà C2 phải nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; nhưng cần khấu trừ số tiền 35.000.000 đồng này vào số tiền mà bị cáo P phải hoàn trả lại cho bà C2 (102.099.000 đồng – 35.000.000 đồng = 67.099.000 đồng) và buộc bị cáo P nộp lại số tiền 35.000.000 đồng này sung vào ngân sách Nhà nước).

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thanh P phải chịu theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với hành vi gọi điện thoại, nhắn tin, đăng bài trên tài khoản Facebook của P và in hình bà C2 ra giấy, kèm theo dòng chữ có nội dung: ‘‘Ai gặp người này liên hệ giùm, xin hậu tạ’’, rồi dán giấy gần nhà bà C2 cho gia đình và hàng xóm của bà C2 biết tin để bà C2 xấu hổ và trả tiền nợ còn thiếu cho P; sau khi biết được việc này, bà C2 đã làm đơn xin bãi nại và không yêu cầu xử lý đối với P; tuy nhiên, Công an Quận 8 đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Thanh P về hành vi trên, với số tiền là 2.500.000 đồng và P đã thi hành xong vào ngày 13/11/2023 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[14] Đối với Nguyễn Thị Thanh Thủy không có liên quan đến vụ án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2, Khoản 3 Điều 201; điểm i, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh P 01 (một) năm tù, về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự'', nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/01/2024).

Giao bị cáo Lê Thanh P cho Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lê Thanh P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Lê Thanh P cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê Thanh P phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

+ Phạt bổ sung bị cáo Lê Thanh P số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Thi hành ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

- Về vật chứng, số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có và trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều: 579, 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự;

+ Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại Iphone 6s Plus.

+ Buộc bị cáo Lê Thanh P nộp lại số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có và số tiền dùng vào việc phạm tội, tổng cộng là 4.551.000 đồng + 30.000.000 đồng + 97.000.000 đồng + 35.000.000 đồng = 166.551.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước; nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp trước là 10.000.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số 0003371 ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh), nên bị cáo Lê Thanh P phải nộp thêm số tiền là 156.551.000 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi một nghìn đồng).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 05/10/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Buộc bị cáo Lê Thanh P phải hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Linh C2 số tiền lãi đã nhận vượt mức quy định cho phép của pháp luật là 67.099.000 đồng (sáu mươi bảy triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Thi hành một lần, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải hoàn trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Thanh P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt; có quyền kháng cáo đối với phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

(Đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo được rõ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Trúc

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8, TP.HCM;
- CQTHAHS Q.8, TP.HCM;
- NTG CAQ.8, TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.